

Số: / KH- BDT

Bắc Giang, ngày tháng 10 năm 2023

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện Chương trình hành động số 55-CTr/TU ngày 29/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Thực hiện Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 30/9/2023 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động số 55-CTr/TU ngày 29/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Ban Dân tộc xây dựng kế hoạch, cụ thể như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của các cấp, các ngành tại địa phương và nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS), sự đồng thuận xã hội trong việc thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng).

- Cụ thể hóa Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 30/9/2023 của UBND tỉnh Triển khai thực hiện Chương trình hành động số 55-CTr/TU ngày 29/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; xác định các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm để triển khai Chương trình hành động đến năm 2030, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền và Nhân dân trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn vùng đồng bào DTTS.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm phải bám sát Chương trình hành động số 55-CTr/TU ngày 29/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các chỉ thị, nghị quyết chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy; căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tiễn tại địa phương phối hợp với các sở ngành liên quan để triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 (gọi tắt là *Chương trình*); Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và chính sách đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng

đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2022 - 2024 theo kế hoạch số 511/KH-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh.

## **II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025. Khai thác tiềm năng, lợi thế của các xã, thôn đặc biệt khó khăn (ĐBK) thuộc vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh giai đoạn 2021-2025, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh công tác giảm nghèo nhanh, bền vững; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân vùng đồng bào DTTS&MN, thu hẹp khoảng cách về thu nhập giữa các thành phần dân tộc, giữa vùng đồng bào DTTS&MN với các vùng khác trong tỉnh và cả nước. Giảm dân số xã, thôn ĐBK; tập trung lồng ghép, ưu tiên bố trí nguồn lực để phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người DTTS; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các DTTS đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; giữ vững và tăng cường sự ổn định về an ninh quốc phòng, cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ công; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

#### **2.1. Mục tiêu đến năm 2025**

(1) Tỷ lệ hộ nghèo người DTTS hằng năm giảm trên 3%; tỷ lệ hộ nghèo tại các xã vùng đồng bào DTTS&MN bình quân giảm 2,5%/năm, trong đó các xã ĐBK giảm bình quân 3%/năm.

(2) Thu nhập bình quân đầu người của người DTTS tăng trên 2 lần so với năm 2020; 50% tỷ lệ xã, thôn ra khỏi địa bàn ĐBK.

(3) Sắp xếp, bố trí ổn định số hộ cư trú phân tán trong các khu rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, khu vực có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất; 100% hộ nghèo người DTTS chưa có nhà ở hoặc có nhà ở nhưng còn tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ và không có khả năng tự cải thiện nhà ở được vay vốn, hỗ trợ cải thiện nhà ở; giải quyết cơ bản nước sinh hoạt phân tán, nước sinh hoạt tập trung cho đồng bào. Tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trên 90%.

(4) Đẩy mạnh trồng rừng thâm canh; mở rộng diện tích rừng thâm canh gỗ lớn, diện tích rừng được cấp chứng chỉ rừng bền vững quốc tế, tạo việc làm, thu nhập cho người dân làm nghề rừng, gắn với giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới.

(5) Bước đầu hình thành hệ thống “chuỗi giá trị”; phát triển dược liệu quý,

đảm bảo đầu ra cho sản phẩm; hình thành hệ thống hỗ trợ chuyên nghiệp phục vụ hoạt động khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh ở vùng đồng bào DTTS&MN. Thu hút đầu tư sản xuất kinh doanh, tăng cường trao đổi hàng hóa, nâng cao thu nhập cho người dân trong khu vực các xã, thôn ĐBKK.

(6) 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; nâng tỷ lệ đường trục xã được nhựa hóa, bê tông hóa lên 95%, đường trục thôn, liên thôn lên 75%, đường ngõ, xóm lên 85%; đường nội đồng lên 45%; 100% các thôn, bản ĐBKK bảo đảm giao thông trong mùa mưa lũ; tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương từ 33,6% lên 50%, tưới tiêu chủ động cho 75% diện tích trồng lúa nước và cây hàng năm; 100% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp. Phát triển chợ phù hợp với yêu cầu thúc đẩy tiêu thụ các sản phẩm nông sản hàng hóa của vùng đồng bào DTTS&MN.

(7) Phần đầu 98,7% các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó phần đầu 18% số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; 99,8% người DTTS trong độ tuổi 15 đến hết tuổi lao động đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông; thu hẹp dần tiến tới xóa bỏ các lớp, điểm trường lẻ; 100% cán bộ, công chức thuộc nhóm đối tượng 1; 80% cán bộ, công chức, viên chức thuộc nhóm đối tượng 2,3,4 được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức dân tộc.

(8) Nâng cao kỹ năng lao động, phần đầu 100% người lao động được cung cấp thông tin về thị trường lao động; 70% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu điều kiện của người DTTS và đặc thù vùng đồng bào DTTS&MN; 80% người lao động thuộc vùng đồng bào DTTS&MN có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn sau khi học nghề.

(9) Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS; 98% xã có nhà văn hóa, 96% thôn có nhà văn hóa (trong đó 70% nhà văn hóa đạt chuẩn); 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng; 100% dân số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

(10) Tỷ lệ người DTTS tham gia bảo hiểm y tế đạt 99%; trên 95% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ; tỷ lệ trẻ em vùng đồng bào DTTS&MN suy dinh dưỡng (thể nhẹ cân) giảm còn 13%. Giảm tỷ số tử vong mẹ còn 40 bà mẹ/100.000 trẻ đẻ sống; giảm tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi xuống còn 13‰.

(11) Chuyên đổi nhận thức, hành vi trong hôn nhân của đồng bào DTTS góp phần giảm bình quân 2-3%/năm số cặp tảo hôn và hôn nhân cận huyết trong vùng đồng bào DTTS&MN.

(12) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức; xây dựng nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS; 100% xã ĐBKK được thiết lập

hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin: hỗ trợ đồng bào tiếp cận chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thông tin khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và an ninh trật tự.

(13) Hoàn thành 73 công trình ngầm, cầu dân sinh tại địa bàn 68 thôn, bản vùng dân tộc thiểu số và miền núi của 04 huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam và Yên Thế nhằm giải quyết dứt điểm tình trạng đứt, gãy giao thông, giúp thôn, bản thoát khỏi tình trạng cô lập trong mùa mưa, lũ; góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững vùng dân tộc thiểu số và miền núi (chính sách riêng của tỉnh).

## **2.2. Mục tiêu đến năm 2030**

Tăng trưởng kinh tế bình quân các huyện có tỷ lệ người DTTS trên 15% đạt tối thiểu từ 10 đến 15%/năm; Thu nhập bình quân của người DTTS bằng 1/2 bình quân chung của cả nước; giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS&MN xuống dưới 10%; Cơ bản không còn các xã, thôn ĐBKK; 80% số xã vùng đồng bào DTTS&MN đạt chuẩn nông thôn mới; Năng suất lao động xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tăng bình quân đạt trên 10%/năm; Tuổi thọ trung bình người DTTS đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm; Có 80% người DTTS trong độ tuổi lao động được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện và có thu nhập ổn định đạt 35 - 40%, trong đó có ít nhất 50% là lao động nữ; Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vùng đồng bào DTTS&MN, hằng năm thu hút 3% lao động sang làm việc các ngành, nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đến năm 2030, có 40% lao động người DTTS biết làm các ngành nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ, trong đó có ít nhất 50% là lao động nữ. Trên 95% cán bộ, công chức cấp xã vùng đồng bào DTTS&MN có trình độ chuyên môn từ đại học, cao đẳng trở lên, trong đó trên 80% có trình độ đại học và trung cấp lý luận chính trị trở lên; trên 90% được bồi dưỡng kiến thức dân tộc theo 4 nhóm đối tượng. Phần đầu có 80% số hộ nông dân người DTTS làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa; Xóa tình trạng nhà ở đơn sơ, nhà thiếu kiên cố. - Trên 85% số xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân; Quy hoạch sắp xếp, di dời, bố trí ổn định 100% hộ DTTS đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở. Ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái; duy trì, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh đạt tối thiểu 37%; Hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra trong Mục tiêu quốc gia về phát triển bền vững đến năm 2030.

## **2.3. Tầm nhìn đến năm 2045**

Thu nhập bình quân của người DTTS đạt trên 1/2 bình quân chung của cả nước. Cơ bản không còn hộ nghèo, người dân được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản. Các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

### **III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ**

#### **1. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, tính chủ động cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN**

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, cán bộ, đảng viên và nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của đảng, chính sách của nhà nước về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Kế hoạch số 511/KH-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh về đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2022 – 2024 và các chính sách dân tộc khác. Đây là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong nhận thức và hành động, khơi dậy ý chí chủ động, tinh thần nỗ lực vươn lên thoát nghèo trong đồng bào DTTS. Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền đảm bảo về phẩm chất, năng lực chuyên môn, kỹ năng truyền đạt, am hiểu tâm lý tập quán của đồng bào, chú trọng đội ngũ tuyên truyền là cán bộ cơ sở.

- Đổi mới, đa dạng hóa nội dung, hình thức tuyên truyền, phổ biến chính sách dân tộc, trong đó lựa chọn hình thức biên soạn tài liệu, cung cấp thông tin tập trung vào trọng tâm, ngắn gọn, người dân dễ hiểu, dễ nhớ khi tiếp cận nội dung chính sách; tăng cường các hoạt động đối thoại với nhân dân, sân khấu khóa công tác tuyên truyền qua các tiểu phẩm, hội thi tìm hiểu pháp luật, phát huy hiệu quả trên các kênh thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử, hệ thống truyền thanh cơ sở. Nhân rộng cách làm hay, mô hình điểm trong quản lý, chỉ đạo thực hiện Chương trình, các điển hình tiên tiến và phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS tham gia phát triển kinh tế - xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tôn vinh tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc, điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS&MN.

- Cấp ủy, chính quyền huyện, xã có đối tượng thụ hưởng ban hành các nghị quyết, chỉ thị về công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong việc lãnh đạo chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; thực hiện tốt phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, thực hiện công khai, dân chủ từ cơ sở, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia đầy đủ của người dân. Đầu tư, hỗ trợ để tạo sinh kế là chính, giảm cho không, tặng cho vay ưu đãi, hỗ trợ có điều kiện...

#### **2. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, cụ thể hóa Chương trình hành động**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND huyện, rà soát, nghiên cứu, tham mưu, đề xuất xây dựng, bổ sung, sửa đổi các cơ chế, quy định của tỉnh để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong đảm bảo thực hiện hiệu quả Chương trình

Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

### **3. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, vận động và sử dụng nguồn vốn nước ngoài hiệu quả, tạo động lực tăng trưởng nhanh, bền vững vùng đồng bào DTTS.**

- Tiếp tục vận động, thu hút nguồn lực từ các nhà tài trợ, tổ chức phi chính phủ để triển khai thực hiện Kế hoạch số 476/KH-UBND ngày 03/02/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Bắc Giang đến năm 2025 gắn với nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030.

- Tăng cường tiếp xúc, vận động nhằm củng cố mối quan hệ hợp tác với các tổ chức phi chính phủ đã và đang hoạt động tại tỉnh, mở rộng quan hệ với các tổ chức phi chính phủ đã đăng kí hoạt động tại tỉnh nhưng chưa triển khai chương trình, dự án trên địa bàn. rà soát, xây dựng danh mục các dự án vận động hỗ trợ phù hợp nhu cầu của cơ quan, địa phương và lĩnh vực quan tâm của các tổ chức phi chính phủ; xác định các yếu tố trọng tâm, tăng cường công tác chia sẻ thông tin với các tổ chức trong nước, quốc tế, phi chính phủ; giới thiệu các nhu cầu vùng đồng bào DTTS với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, hướng viện trợ vào những lĩnh vực và địa bàn ưu tiên.

- Cung cấp thông tin thường xuyên, đầy đủ, kịp thời về đối tượng, nội dung các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 nhằm tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư và hoạt động của các nhà tài trợ nước ngoài.

- Hằng năm, bố trí nguồn ngân sách cho công tác chuẩn bị dự án nhằm thu hút, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài; đồng thời, ưu tiên bố trí nguồn vốn đối ứng để thực hiện các dự án.

- Đổi mới và đa dạng phương thức vận động, chuyên đổi phương thức vận động chung sang vận động theo từng dự án cụ thể, xác định rõ lĩnh vực và địa bàn ưu tiên, tránh trùng lặp trong viện trợ, tạo điều kiện để các cơ quan tham gia vào quá trình vận động, thu hút và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài. Tăng cường phối hợp vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài thông qua các sở ngành, Vụ Hợp tác quốc tế - Ủy ban Dân tộc và các đơn vị liên quan.

### **4. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn Chương trình mục tiêu, vốn ngân sách địa phương, vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài và các nguồn vốn hợp pháp khác**

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án, chính sách trong vùng dân tộc; khuyến khích người dân, các tổ chức nhân dân tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện các

chương trình, dự án, chính sách, kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc, khắc phục những bất hợp lý, yếu kém trong quản lý, thực hiện chính sách ở cơ sở.

- Đảm bảo tính công khai, minh bạch, trách nhiệm và giám sát của các bên, cộng đồng trong suốt quá triển khai thực hiện từ trình lập, triển khai và kết thúc dự án. Xây dựng hệ thống giám sát, thường xuyên tổ chức đánh giá các chương trình, dự án, đặc biệt dự án phi chính phủ nước ngoài để kịp thời rút kinh nghiệm, nhân rộng hoặc chấn chỉnh các hoạt động và kết quả của chương trình, dự án triển khai trong vùng đồng bào DTTS.

- Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tích cực tham gia trực tiếp vào các chương trình phát triển sản xuất, xây dựng và sử dụng các công trình của cộng đồng.

### **5. Giải pháp huy động nguồn vốn**

Đa dạng hóa các nguồn vốn thực hiện Chương trình (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn xã hội hóa, vốn đóng góp của người dân...) trong đó tinh thần tự lực, vượt khó của người dân giữ vai trò quan trọng, nguồn ngân sách nhà nước là quyết định. Tăng cường huy động, khuyến khích sự tham gia, đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. Tập trung đầu tư có trọng tâm trọng điểm, tránh dàn trải, nợ đọng, bảo đảm đúng quy định của Luật Đầu tư công; Luật Ngân sách Nhà nước định hướng các cơ quan, đơn vị trực tiếp giúp đỡ các xã ĐBKK giai đoạn 2021-2025 vào thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình.

- Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 476/KH-UBND ngày 03/02/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Bắc Giang đến năm 2025.

- Lồng ghép vốn các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án khác cùng đầu tư trên địa bàn xã, thôn ĐBKK.

- Huy động người dân trong thôn, bản và cộng đồng tham gia hiến đất, giải phóng mặt bằng, đóng góp ngày công lao động... để xây dựng các công trình.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Các phòng chuyên môn thuộc Ban**

- Chủ động phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan, UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; chính sách đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2022 - 2024 theo kế hoạch số 511/KH-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh và các chính sách dân tộc khác trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Hằng năm phối hợp các sở, ngành, UBND các huyện được phân công chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025 trong công tác lập kế hoạch để tổng hợp, xây dựng kế hoạch chung của tỉnh; hướng dẫn các địa phương triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình được phân công chủ trì.

- Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương, nguồn vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh để thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm.

- Hướng dẫn thanh quyết toán nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, chính sách riêng của tỉnh (Kế hoạch số 511/KH-UBND ) và nguồn tài trợ, vận động phi chính phủ theo đúng quy định; Hướng dẫn các địa phương xác nhận, tổng hợp danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách làm cơ sở để Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh cho vay kịp thời, hiệu quả; thực hiện chế độ báo cáo về sử dụng và quản lý nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn viện trợ trên cơ sở quy định của pháp luật về quản lý tài chính và tài sản công.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình; định kỳ (hoặc đột xuất khi có yêu cầu) tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

- Định kỳ trước ngày 15/12 hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện về phòng Kế hoạch - Tuyên truyền để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

## **2. Cơ quan làm công tác dân tộc cấp huyện**

- Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch 379/KH-UBND ngày 21/6/2022 của UBND tỉnh, tình hình thực tế, rà soát lại các danh mục đầu tư, hỗ trợ, tham mưu UBND huyện lập, phê duyệt, giao kế hoạch thực hiện Chương trình cho các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng vốn trên địa bàn gửi Cơ quan chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình, Ban Dân tộc và các cơ quan liên quan theo quy định; tiếp tục tham mưu, phối hợp tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 476/KH-UBND ngày 03/02/2021 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 511/KH-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh và các chính sách dân tộc khác trên địa bàn đảm bảo đúng tiến độ và hiệu quả.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện theo định kỳ, đột xuất khi có yêu cầu; tham mưu phân công trách nhiệm của từng phòng, ban, cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc đẩy mạnh phân cấp, tăng cường trách nhiệm cho cơ sở.

- Định kỳ trước ngày 15/12 hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện về Ban Dân tộc (qua phòng Kế hoạch - Tuyên truyền) để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

### **3. Phòng Kế hoạch - Tuyên truyền**

- Giao phòng Kế hoạch - Tuyên truyền chủ trì triển khai thực hiện các nội dung theo kế hoạch này; tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương, nguồn vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 và hàng năm; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện trình cấp có thẩm quyền giải quyết kịp thời.

- Chủ động tham mưu phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan, UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 476/KH-UBND ngày 03/02/2021 của UBND tỉnh; cung cấp thông tin tới các đối tác nước ngoài quan tâm đến viện trợ, hỗ trợ vùng đồng bào DTTS&MN; định kỳ tổ chức hội nghị, hội thảo, các chương trình giao lưu, thu hút, hỗ trợ đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN từ các nhà tài trợ và tổ chức phi chính phủ; phối hợp trong công tác tiếp nhận, thẩm định các hồ sơ trình phê duyệt liên quan đến các khoản viện trợ phi dự án, các khoản cứu trợ khẩn cấp.

- Cung cấp thông tin, đề xuất các dự án vận động, viện trợ từ các tổ chức phi chính phủ cho vùng đồng bào DTTS để tổng hợp vào kế hoạch thu hút, vận động nguồn viện trợ chung của tỉnh; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại về vùng đồng bào DTTS&MN đến các cơ quan, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài, cá nhân nước ngoài gồm cả người Việt Nam ở nước ngoài nhằm xúc tiến vận động, thu hút các nguồn vốn nước ngoài để phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS.

- Chủ trì, phối hợp tham mưu công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; theo dõi, đôn đốc thực hiện kế hoạch này, định kỳ (hoặc đột xuất khi có yêu cầu) tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện hằng năm trước ngày 20/12 theo quy định.

***Nơi nhận:***

- Lãnh đạo Ban;
- Phòng Dân tộc các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế;
- VP UBND-HĐND huyện Lạng Giang;
- Các phòng CM, BP thuộc Ban;
- Lưu: VT, KHTT.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Nhữ Văn Nam**



**BIỂU PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ**  
**TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 55-CTr/TU NGÀY 29/6/2023 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**  
(Kèm theo Kế hoạch số \_\_\_\_\_ /KH-BDT ngày \_\_\_\_\_ /10/2023 của Ban Dân tộc)

<b>STT</b>	<b>Nội dung thực hiện</b>	<b>Phòng chủ trì</b>	<b>Thời gian</b>
1	Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, tính chủ động cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN.	Các phòng chuyên môn thuộc Ban	Thường xuyên
2	Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, cụ thể hóa Chương trình hành động.	Các phòng chuyên môn thuộc Ban	Thường xuyên
3	Đẩy mạnh thu hút đầu tư, vận động và sử dụng nguồn vốn nước ngoài hiệu quả, tạo động lực tăng trưởng nhanh, bền vững vùng đồng bào DTTS.	Phòng Kế hoạch - Tuyên truyền	Thường xuyên
4	Tăng cường công tác giám sát, đánh giá nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn Chương trình mục tiêu, vốn ngân sách địa phương, vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài và các nguồn vốn hợp pháp khác.	Các phòng chuyên môn thuộc Ban	Thường xuyên
5	Giải pháp huy động nguồn vốn.	Các phòng chuyên môn thuộc Ban	Thường xuyên